TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 13/6/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Tr2 – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Trương Văn T (T)**, sinh năm 1987.

HKTT: Ấp T1, xã Đ A, huyện A, tỉnh K.

Chổ ở hiện nay: Ấp H, xã Đ A, huyện A, tỉnh K.

* Bị đơn: Anh **Võ Văn T2**, sinh năm 1986.

Chị **Lâm Thị T3**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ A, huyện A, tỉnh K.

(Anh T có mặt; anh T2, chị T3 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ*

án nguyên đơn anh Trương Văn T trình bày:

Anh và vợ chồng chị T3, anh T2 là người cùng xóm với nhau mấy năm nay chị T3 có tổ chức chơi hụi tại địa phương, anh có tham gia chơi các dây hụi như sau:

Hụi áp ngày 04/8/2022 âm lịch, anh có tham gia chơi 04 chưng hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 34 phần, anh có đóng hụi sống cho chị T3 được 11 lần × 2.000.000 đồng × 04 chưng = 88.000.000 đồng thì chị T3, anh T2 công bố bể hụi. Sau khi bể hụi thì chị T3, anh T2 tuyên bố úp hụi thì anh bắt thăm trúng thăm số 1, 11, 13, 16. Anh được giao số tiền 22.000.000 đồng. Chị T3 và anh T2 còn nợ anh là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng). Hiện nay chị T3 đã bỏ địa phương đi làm ăn, còn anh T2 ở nhà nuôi tôm, anh đến gặp anh T2 thì anh T2 nói không biết.

Nay anh yêu cầu chị Lâm Thị T3 và anh Võ Văn T2 phải trả cho anh số tiền hụi còn nợ là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng).

** Theo biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 11 năm 2023 và tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26 tháng 4 năm 2024, bị đơn anh Võ Văn T2 trình bày:*

Anh không có mối quan hệ họ hàng hay quen biết gì với anh T, giấy ghi hụi ngày 04/8/2022 âm lịch là do vợ anh Lâm Thị T3 lập, anh đứng tên làm chủ hụi trong danh sách hụi là do vợ anh mới về địa phương không có quen biết nhiều nên mới lấy tên anh làm chủ hụi để anh đứng tên giám hộ cho vợ anh, anh cũng không có lập danh sách hụi hay biên nhận gì hết.

Những lúc vợ anh kẹt công việc thì vợ anh kêu anh đi lấy tiền hụi dùm cho vợ anh nhưng anh chỉ lấy tiền của những người mà anh quen biết, còn những người khác thì anh không có gom. Khi gom tiền hụi về anh đưa cho vợ anh, còn phần tiền vợ anh gom hụi của người khác thì vợ anh giữ hết. Anh không biết vợ anh sử dụng số tiền hụi trên cho mục đích gì, vợ anh cũng không sử dụng số tiền hụi để chi tiêu trong gia đình vì anh đi làm hồ có bao nhiêu tiền anh đều đưa vợ để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Nay anh T yêu cầu anh và vợ anh là chị T3 trả số tiền hụi còn nợ là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng) thì anh không đồng ý, vì dây hụi này anh chỉ đứng tên giám hộ dùm cho vợ anh còn những việc còn lại anh cũng không hay biết gì chỉ một mình vợ anh làm.

** Bị đơn chị Lâm Thị T3 vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn xác định: Dây hụi áp ngày 04/8/2022 âm lịch, anh có tham gia chơi 04 chưng hụi 2.000.000 đồng. Trong đó 02 chưng hụi ghi tên T và 02 chưng hụi mua lại của Tr và anh Tr2 ghi tên T, tên gọi khác của anh là T nên ở địa phương có khi kêu anh là T có khi kêu anh là T, anh vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu chị Lâm Thị T3 và anh Võ Văn T2 phải trả cho anh số tiền hụi còn nợ là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng).

- Bị đơn anh Võ Văn T2, chị Lâm Thị T3: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng các bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Võ Văn T2 và chị Lâm Thị T3 trả cho nguyên đơn Trương Văn T số tiền nợ hụi là 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng. Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh Trương Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn anh Võ Văn T2, chị Lâm Thị T3 cùng địa chỉ ấp H, xã Đ A, huyện A, tỉnh K trả số tiền hụi còn nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định pháp luật.

Các bị đơn anh Võ Văn T2, chị Lâm Thị T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T2, chị T3 trong vụ án này.

[3] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn và các bị đơn thực tế đã phát sinh ra quan hệ góp hụi với nhau theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Điều này, được thể hiện qua giấy ghi chép thể hiện danh sách hụi, các hụi viên tham gia. Theo giấy xác nhận có chơi hụi của Huỳnh Thị Mỹ H; Phạm Minh K; Phạm Kim L đều xác định anh Trương Văn T còn 03 chưng hụi sống chưa hốt. Việc anh T2 cho rằng giấy ghi hụi ngày 04/8/2022 âm lịch là do vợ anh Lâm Thị T3 lập, anh đứng tên làm chủ hụi trong danh sách hụi là do vợ anh mới về địa phương không có quen biết nhiều nên mới lấy tên anh làm chủ hụi để anh đứng tên giám hộ cho vợ anh. Những lúc vợ anh kẹt công việc thì vợ anh kêu anh đi lấy tiền hụi dùm cho vợ anh nhưng anh chỉ lấy tiền của những người mà anh quen biết, còn những người khác thì anh không có gom. Khi gom tiền hụi về anh đưa cho vợ anh, còn phần tiền vợ anh gom hụi của người khác thì vợ anh giữ hết. Anh không biết vợ anh sử dụng số tiền hụi trên cho mục đích gì, vợ anh cũng không sử dụng số tiền hụi để chi tiêu trong gia đình vì anh đi làm hồ có

bao nhiêu tiền anh đều đưa vợ để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bản thân anh T2 cũng thừa nhận biết chị T3 tổ chức chơi hụi, việc chị T3 tổ chức chơi hụi là trong thời kỳ hôn nhân của hai anh chị và vì chị T3 mới về địa phương không có quen biết nhiều nên mới lấy tên anh làm chủ hụi để anh đứng tên giám hộ cho chị T3 và anh cũng có đi gom hụi dùm cho chị T3. Mặc dù anh cho rằng không biết chị T3 sử dụng số tiền hụi trên cho mục đích gì và theo anh thì chị T3 cũng không sử dụng số tiền hụi để chi tiêu trong gia đình vì anh đi làm hồ có bao nhiêu tiền anh đều đưa chị T3 để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình nhưng anh thừa nhận đứng tên giám hộ cho chị T3 tổ chức chơi hụi, cũng thừa nhận cũng có đi gom hụi dùm chị T3 điều này chứng tỏ anh biết sự việc chị T3 tổ chức chơi hụi và xác định đứng tên bảo lãnh cho chị T3 thì anh phải có trách nhiệm liên đới với chị T3 về số tiền hụi còn nợ nguyên đơn. Còn việc anh cho rằng chỉ đứng giám hộ, không biết chị T3 sử dụng số tiền hụi trên cho mục đích gì, xác định chị T3 cũng không sử dụng số tiền hụi để chi tiêu trong gia đình nhưng anh không cung cấp, tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến trình bày của anh.

Bị đơn chị Lâm Thị T3 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng trong suốt quá trình tố tụng. Việc chị T3 không đến Tòa tham gia tố tụng là tự mình từ bỏ quyền lợi của mình được trình bày ý kiến, đề nghị, yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 15, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên các bị đơn anh Võ Văn T2, chị Lâm Thị T3

phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 15, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Văn T: Buộc các bị đơn anh Võ Văn T2, chị Lâm Thị T3 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Trương Văn T số tiền hụi còn thiếu là 66.000.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Võ Văn T2, chị Lâm Thị T3 cùng chịu 3.300.000 (ba triệu ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Trương Văn T số tiền 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm chục nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003414 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trương Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Văn T2, chị

Lâm Thị T3 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU